TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2015 - 2016

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2012 - LỚP : D12_TC01

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ												ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTĐT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTĐT THỰC HIỆN	KẾT QUẢ XỬ LÝ CUỐI HỌC KỲ 1 (2015 - 2016)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151				HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	ĐKMH VÀ HỌC TẬP	HỌC PHÍ
1	DH71200323	Lê Công Tuấn	Anh	D12_TC01				8.08	6.84		6.35	6.42		6.95	6.70		7.16	6.87	132/144	51/55					
2	DH71200324	Phạm Ngọc	Anh	D12_TC01				5.00	0.60		1.42	5.70	0.00	5.64	2.45	1.88	0.08	3.57	52/144	20/55	CB_BTH_2	Nợ HP		BTH	Nợ HP
3	DH71200241	Nguyễn Trần Việt	Bắc	D12_TC01				6.83	6.48		5.71	6.11		6.48	6.58		7.32	6.53	135/144	52/55					
4	DH71201852	Võ Thị Hồng	Cẩm	D12_TC01				7.83	7.16		6.82	7.63		6.47	7.26		7.95	7.28	134/144	52/55					
5	DH71200245	Nguyễn Lê Thu	Giàu	D12_TC01				6.75	6.28	5.00	6.12	7.58	5.00	5.79	6.12		7.41	6.71	134/144	52/55					
6	DH71200287	Lê Thị Ngọc	Hà	D12_TC01				7.42	7.56		7.18	7.47		7.58	8.13		7.47	7.57	134/144	52/55					
7	DH71200329	Nguyễn Thị Minh	Hiền	D12_TC01				8.50	4.80		7.71	8.03		7.74	8.07		8.26	7.81	134/144	52/55					
8	DH71200290	Nguyễn Trọng Trung	Hiếu	D12_TC01				6.67	5.60	2.00	6.09	6.14	7.00	5.67	5.56		5.91	6.10	128/144	49/55					
9	DH71200331	Lý Thị Mỹ	Huyền	D12_TC01				7.58	6.76		6.12	7.05		7.26	7.22		7.47	7.04	134/144	52/55					
10	DH71201970	Trần Ngọc Lan	Hương	D12_TC01				8.00	6.60		6.82	7.42		7.11	7.13		8.11	7.25	134/144	52/55					
11	DH71200294	Nguyễn Duy	Khải	D12_TC01				7.75	5.80		6.53	6.29		7.11	7.07		7.79	6.95	135/144	52/55					
12	DH71200293	Huỳnh Ngọc Kim	Khánh	D12_TC01				6.08	5.68	6.00	4.94	5.63	4.00	5.57	6.20	5.00	6.50	6.04	126/144	49/55					
13	DH71200295	Lưu Minh	Kiệt	D12_TC01				7.58	7.76		6.88	8.11		8.37	8.09		7.95	7.85	134/144	52/55					
14	DH71200297	Lê Thị Ngọc	Liên	D12_TC01				8.33	7.60		6.59	7.58		7.58	7.61		7.53	7.52	134/144	52/55					
15	DH71200336	Nguyễn Uyên	Linh	D12_TC01				7.75	6.40		6.82	7.00		6.79	7.48		7.63	7.07	134/144	52/55					
16	DH71200247	Tiêu Minh	Long	D12_TC01				6.33	5.80	7.00	5.76	6.65	2.00	5.43	5.83	5.00	5.88	6.26	126/144	49/55					
17	DH71200338	Hà Yến	Mi	D12_TC01				7.92	7.84		7.65	7.74		7.74	7.78		8.21	7.84	134/144	52/55					
18	DH71200340	Lê Thị Diễm	My	D12_TC01				7.50	6.08		6.71	7.32		6.63	7.17		7.00	6.86	132/144	51/55					
19	DH71200254	Thân Thị ánh	Ngọc	D12_TC01				7.83	6.48		6.41	6.76		6.32	6.00		7.16	6.66	134/144	52/55					
20	DH71200256	Đỗ Tân Thanh	Nguyên	D12_TC01				7.50	6.88		7.18	7.21		6.58	6.39		7.50	7.04	132/144	51/55					
21	DH71200303	Hồ Yến	Nhi	D12_TC01				8.17	7.80		6.70	8.26		7.42	7.83		8.26	7.75	137/144	53/55					
22	DH71200259	Lê Thị Huỳnh	Như	D12_TC01				8.33	8.12		8.00	8.68		8.53	8.52		8.37	8.37	134/144	52/55					
23	DH71200306	Nguyễn Thanh	Phú	D12_TC01				7.42	5.76		6.59	5.90		6.43	7.19		7.82	6.93	133/144	51/55					

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2015 - 2016

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2012 - LỚP : D12_TC01

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ												ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTDT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTDT THỰC HIỆN	KẾT QUẢ XỬ LÝ CUỐI HỌC KỲ 1 (2015 - 2016)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151				HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	ĐKMH VÀ HỌC TẬP	HỌC PHÍ
24	DH71200344	Đặng ánh	Phương	D12_TC01				8.17	7.28		7.41	7.63		6.95	7.43		7.95	7.50	134/144	52/55					
25	DH71200267	Hồ Thanh	Quân	D12_TC01				7.58	7.24		6.65	6.95		6.32	7.39		8.23	7.28	134/144	52/55					
26	DH71200347	Thôi Nghệ	Quỳnh	D12_TC01				7.33	7.64	9.00	6.76	7.84		7.26	8.35		7.63	7.67	134/144	52/55					
27	DH71200309	Huỳnh Kim	Tân	D12_TC01				7.08	5.72		5.29	6.32	9.00	5.38	6.57		7.24	6.66	129/144	50/55					
28	DH71200269	Hồ Thị Thanh	Thảo	D12_TC01				6.92	6.20		5.65	6.11		5.71	5.91		6.45	6.18	129/144	50/55					
29	DH71200271	Lê Thị Ngọc	Thảo	D12_TC01				8.25	8.60		7.94	8.21		8.84	8.52		8.26	8.40	134/144	52/55					
30	DH71200272	Nguyễn Thị Phương	Thảo	D12_TC01				7.42	6.84		6.24	6.26		6.62	7.17		7.16	6.84	134/144	52/55					
31	DH71200352	Đinh Thị Diễm	Thúy	D12_TC01				7.00	7.64	8.00	6.59	7.58		6.32	6.96		8.05	7.36	134/144	52/55					
32	DH71100378	Trần Thị Ngọc	Trâm	D12_TC01	8.33	7.90		7.88	8.26		8.00	7.20					8.05	7.87	134/144	52/55					
33	DH71200356	Thái Du Tú	Trân	D12_TC01				7.83	7.24		6.47	7.68		7.11	7.48		7.74	7.35	134/144	52/55					
34	DH71200274	Nguyễn Minh	Trọng	D12_TC01				7.83	7.56		6.76	7.37		7.05	7.26		7.63	7.34	134/144	52/55					
35	DH71200360	Phan Thị Minh	Tuyền	D12_TC01				7.67	7.12		7.47	7.32		6.32	6.91		7.79	7.19	134/144	52/55					
36	DH71200279	Phạm Hoàng	Yến	D12_TC01				7.08	6.80		6.06	7.05		6.14	6.04		5.77	6.58	129/144	50/55					

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 19/03/2016.**

- Đối với học phí còn nợ, sinh viên phải đóng học phí còn nợ trước Thứ Sáu, ngày 01/04/2016. Nếu quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ đình chỉ và xử lý theo quy định.

Qui ước :

Nợ HP	Nợ học phí	CB_BTH	Cảnh báo buộc thôi học
KoĐKMH	Không đăng ký môn học	BTD_KoĐKMH	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH
CCHV	Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập	BTH	Buộc thôi học
CB_KoĐKMH	Cảnh báo phải đăng ký môn học được mở trong học kỳ để hoàn tất chương trình		

Tp. HCM, ngày 28 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP BẢNG	TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO	HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thị Minh Trúc	ThS. Lê Thị Ngọc Phượng	PGS, TS. Cao Hào Thi

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2015 - 2016

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2012 - LỚP : D12_TC02

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ												ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTDT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTDT THỰC HIỆN	KẾT QUẢ XỬ LÝ CUỐI HỌC KỲ 1 (2015 - 2016)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151				HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	ĐKMH VÀ HỌC TẬP	HỌC PHÍ
1	DH71200403	Nguyễn Văn	Bữu	D12_TC02				7.08	5.56		6.47	6.77		6.84	6.96		7.42	6.73	132/144	51/55					
2	DH71201955	Phùng Thụy Băng	Cầm	D12_TC02				5.75	5.60	8.00	5.85	6.11	5.00	5.68	6.32		6.21	6.22	133/144	51/55					
3	DH71200449	Nguyễn Chí	Dũng	D12_TC02				7.83	6.96		6.82	7.58		7.21	7.48		7.63	7.33	134/144	52/55					
4	DH71200450	Phạm Đỗ Hương	Duyên	D12_TC02				7.75	7.64		6.65	7.43		6.74	6.62		7.58	7.19	134/144	52/55					
5	DH71200407	Phạm Thị Mỹ	Duyên	D12_TC02				6.00	6.16		6.29	7.00		6.64	7.54		7.94	6.89	134/144	52/55					
6	DH71201731	Trần Tiến	Dương	D12_TC02				7.08	6.20		6.47	6.95		7.74	7.87		7.79	7.15	134/144	52/55					
7	DH71200452	Huỳnh Hải	Đăng	D12_TC02				6.67	5.92		3.90	5.52		4.71	5.77	3.00	5.93	5.78	129/144	50/55					
8	DH71201813	Nguyễn Thị	Hải	D12_TC02				6.42	5.24		5.12	6.19		4.88	6.09		7.00	6.31	130/144	50/55					
9	DH71200369	Trương Thị Ngọc	Hân	D12_TC02				8.00	7.64		7.65	8.42		7.89	8.04		8.11	7.96	134/144	52/55					
10	DH71200410	Hoàng Đăng	Hiếu	D12_TC02				7.08	5.76		5.59	6.14		5.63	6.85		7.21	6.54	134/144	52/55					
11	DH71200411	Nguyễn Thị Minh	Hiếu	D12_TC02				6.00	6.72		6.50	7.47		7.32	7.57		7.56	7.13	134/144	52/55					
12	DH71201742	Dương Cẩm	Hùng	D12_TC02				8.17	7.96		7.12	8.16		8.32	8.17		8.26	8.03	134/144	52/55					
13	DH71201964	Nguyễn Thị Việt	Hương	D12_TC02				7.00	5.80		5.00	5.68		5.58	5.26		6.91	6.01	126/144	49/55					
14	DH71200457	Lương Xuân	Khải	D12_TC02				6.50	4.36		4.90	4.17		4.37	3.75		1.53	4.42	75/144	30/55	CCHV_1			CCHV_1	
15	DH71200413	Huỳnh Duy	Khang	D12_TC02				7.33	5.04		5.18	5.96		3.45	5.68	2.00	5.63	5.57	107/144	42/55					
16	DH71200458	Dương ái	Linh	D12_TC02				7.42	6.96		5.94	7.17		6.42	6.91		7.74	7.02	134/144	52/55					
17	DH71200378	Lê Thị Thùy	Linh	D12_TC02				7.25	4.32	4.00	5.29	6.57	0.00	5.54	6.00	5.00	6.71	6.19	129/144	50/55					
18	DH71200416	Văn Ngọc Tiểu	Linh	D12_TC02				7.50	6.88		6.35	7.50		7.37	8.10		8.11	7.40	134/144	52/55					
19	DH71200459	Lâm Cẩm	Loan	D12_TC02				6.00	5.24		4.82	5.92		4.25	5.92	5.00	6.68	6.02	132/144	51/55					
20	DH71201812	Huỳnh Trúc	Mai	D12_TC02				8.17	7.44		7.29	7.74		7.58	7.65		7.79	7.63	134/144	52/55					
21	DH71200382	Nguyễn Thanh Hoài	Nam	D12_TC02				6.75	6.08		4.88	5.68		4.54	5.81		5.30	5.87	123/144	48/55					
22	DH71200423	Võ Huỳnh Như	Ngọc	D12_TC02				7.67	6.84		6.47	7.79		6.64	7.52		8.11	7.33	134/144	52/55					
23	DH71200386	Lưu Thị	Nhung	D12_TC02				7.92	6.28		7.29	8.16		7.89	8.26		8.26	7.67	134/144	52/55					

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2015 - 2016

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2012 - LỚP : D12_TC02

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ													ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTDT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTDT THỰC HIỆN	KẾT QUẢ XỬ LÝ CUỐI HỌC KỲ 1 (2015 - 2016)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151				HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	ĐKMH VÀ HỌC TẬP	HỌC PHÍ
24	DH71200387	Nguyễn Thị	Nhung	D12_TC02				6.83	6.68	7.00	6.71	7.17		6.89	7.22		7.16	7.10	134/144	52/55					
25	DH71200462	Bùi Thanh Hoài	Phương	D12_TC02				7.08	7.36		6.24	7.16		7.21	7.52		7.47	7.19	134/144	52/55					
26	DH71200307	Trần Cẩm	Quỳnh	D12_TC02				6.50	6.20	6.00	5.88	6.19		6.38	7.44		7.23	6.80	134/144	52/55					
27	DH71201858	Phạm Thị	Tâm	D12_TC02				7.67	6.08		6.24	6.21		6.26	7.19		8.21	6.85	134/144	52/55					
28	DH71200393	Ngô Thị Thu	Thảo	D12_TC02				8.25	7.92		8.24	8.32		8.00	7.91		8.05	8.07	134/144	52/55					
29	DH71200469	Phạm Thị Thu	Thảo	D12_TC02				7.58	6.80		6.47	6.58		6.11	6.52		7.09	6.76	134/144	52/55					
30	DH71200435	Hồ Thị Thanh	Thúy	D12_TC02				8.00	8.04		6.82	7.89		8.18	7.83		7.94	7.84	134/144	52/55					
31	DH71200394	Phạm Thị Thanh	Thúy	D12_TC02				7.58	6.48		7.18	8.32		8.00	7.61		7.63	7.60	134/144	52/55					
32	DH71200473	Nguyễn Lê Kim	Thuyền	D12_TC02				7.75	5.68		5.53	6.38		5.63	5.56	7.20	6.68	6.45	132/144	51/55					
33	DH71200392	Nguyễn Lâm Anh	Thư	D12_TC02				7.17	7.16		7.18	7.26		7.53	8.09		7.74	7.47	134/144	52/55					
34	DH71200396	Nguyễn Thị Quế	Trân	D12_TC02				7.17	6.40		6.65	6.70		6.32	6.56		6.84	6.74	132/144	51/55					
35	DH71201904	Trần Thị Thùy	Trinh	D12_TC02				7.83	7.40		6.76	7.29		7.11	7.14		7.50	7.33	134/144	52/55					
36	DH71201730	Trương Hoàng Thu	Yến	D12_TC02				7.58	7.52		7.41	7.95		8.14	7.43		7.75	7.69	134/144	52/55					

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 19/03/2016.**
- Đối với học phí còn nợ, sinh viên phải đóng học phí còn nợ trước Thứ Sáu, ngày 01/04/2016. Nếu quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ đình chỉ và xử lý theo quy định.

Qui ước :

Nợ HP	Nợ học phí	CB_BTH	Cảnh báo buộc thôi học
KoĐKMH	Không đăng ký môn học	BTD_KoĐKMH	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH
CCHV	Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập	BTH	Buộc thôi học
CB_KoĐKMH	Cảnh báo phải đăng ký môn học được mở trong học kỳ để hoàn tất chương trình		

Tp. HCM, ngày 28 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP BẢNG

Nguyễn Thị Minh Trúc

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

ThS. Lê Thị Ngọc Phượng

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PGS, TS. Cao Hào Thi

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2015 - 2016

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_TC01

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ													ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTDT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTDT THỰC HIỆN	KẾT QUẢ XỬ LÝ CUỐI HỌC KỲ 1 (2015 - 2016)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151				HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	ĐKMH VÀ HỌC TẬP	HỌC PHÍ
1	DH71300001	Hứa Thị Mỹ	ái	D13_TC01							7.00	5.70	6.00	5.29	5.53	6.25	5.95	6.16	78/92	31/37					
2	DH71300118	Trần Gia	Bình	D13_TC01							6.83	6.13		6.06	6.26		6.95	6.41	87/92	34/37					
3	DH71300167	Trần Dương Ngũ	Châu	D13_TC01							6.58	5.61	0.00	4.80	4.58	3.80	4.21	5.39	68/92	27/37					
4	DH71300156	Trần Mạnh	Cường	D13_TC01							7.92	6.65		6.76	7.16		7.05	7.03	90/92	35/37					
5	DH71300219	Dương Ngọc	Dịu	D13_TC01							6.67	6.52		6.65	7.21		6.95	6.80	90/92	35/37					
6	DH71300248	Trương Phạm Nhật	Duy	D13_TC01							6.17	5.83	7.00	5.65	6.11	6.20	6.58	6.36	78/92	31/37					
7	DH71300055	Nguyễn Huỳnh	Đức	D13_TC01							6.92	6.96		6.12	6.89		6.74	6.73	90/92	35/37					
8	DH71300272	Bùi Ngọc Trà	Giang	D13_TC01							5.33	5.04	5.00	5.40	5.67		6.26	5.63	83/92	32/37					
9	DH71300273	Hoàng Thị Hương	Giang	D13_TC01							6.83	6.04		6.53	6.95		6.74	6.58	90/92	35/37					
10	DH71300322	Danh Thị	Hà	D13_TC01							6.33	6.00		5.94	6.26	7.00	7.11	6.42	85/92	33/37					
11	DH71300323	Lê Thị	Hà	D13_TC01							5.75	5.70	7.00	5.65	4.58		5.16	5.46	68/92	27/37					
12	DH71300332	Võ Ngọc Ngân	Hà	D13_TC01							6.42	6.61	7.00	6.00	5.42	2.00	6.47	6.28	84/92	33/37					
13	DH71300285	Lê Thị Mỹ	Hằng	D13_TC01							6.50	6.00		5.06	6.71	7.00	6.47	6.30	90/92	35/37					
14	DH71300287	Ngô Thị Thanh	Hằng	D13_TC01							7.08	6.09		6.59	7.26		7.21	6.80	90/92	35/37					
15	DH71300293	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	D13_TC01							6.42	6.00	6.00	5.12	6.58	7.00	7.37	6.61	90/92	35/37					
16	DH71300388	Lê Thị	Hiền	D13_TC01							6.50	6.61		7.24	7.42		8.00	7.18	90/92	35/37					
17	DH71300315	Phạm Thị Xuân	Hương	D13_TC01							6.75	6.39		6.88	7.37	7.00	7.42	7.06	90/92	35/37					
18	DH71300519	Lê Đăng	Khoa	D13_TC01							5.42	4.57	5.00	4.71	5.39	4.00	5.95	5.37	69/92	28/37					
19	DH71300576	Bạch Ngọc	Lan	D13_TC01							6.83	6.65		6.82	7.21		7.37	6.98	90/92	35/37					
20	DH71300578	Nguyễn Lê Yến	Lan	D13_TC01							6.00	5.61	5.00	6.35	5.95		6.32	6.13	84/92	33/37					
21	DH71300579	Thái Phương	Lan	D13_TC01							6.83	5.91	8.00	5.06	5.33	1.00	4.95	5.67	72/92	29/37					
22	DH71300594	Lâm Tú	Liên	D13_TC01							6.58	6.04	7.00	6.65	6.95		6.89	6.73	87/92	34/37					
23	DH71300611	Lê Ngọc Tuyết	Linh	D13_TC01							5.58	4.57	6.00	5.00	3.77	3.00	3.84	4.66	61/92	25/37					
24	DH71300638	Nguyễn Hồng	Loan	D13_TC01							5.75	4.65		4.59	5.44	5.20	5.90	5.56	79/92	31/37					

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2015 - 2016

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_TC01

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ													ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTDT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTDT THỰC HIỆN	KẾT QUẢ XỬ LÝ CUỐI HỌC KỲ 1 (2015 - 2016)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151				HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	ĐKMH VÀ HỌC TẬP	HỌC PHÍ
25	DH71300652	Trần Thị Hải	Long	D13_TC01							7.08	7.17		7.82	7.47		7.68	7.46	90/92	35/37					
26	DH71300669	Võ Trần Ngọc Thị Mai	Lý	D13_TC01							7.00	6.78		7.06	7.68		7.42	7.19	90/92	35/37					
27	DH71300695	Hà Đức	Minh	D13_TC01							5.75	6.26	6.00	6.65	7.21		6.58	6.62	87/92	34/37					
28	DH71300767	Văn Thị Thiên	Nga	D13_TC01							6.67	6.61		6.53	6.84		7.11	6.76	90/92	35/37					
29	DH71300744	Hoàng Nguyễn Phương	Ngân	D13_TC01							6.67	5.35		5.29	4.95	6.75	5.79	5.80	78/92	31/37					
30	DH71300749	Nguyễn Hoàng Kim	Ngân	D13_TC01							7.08	6.13		5.35	5.68	5.00	6.00	6.13	78/92	31/37					
31	DH71300778	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	D13_TC01							6.58	5.70		5.25	5.42	7.80	5.63	5.91	76/92	30/37					
32	DH71300826	Lữ Thành	Nhân	D13_TC01							6.75	5.74		5.71	6.21	0.00	3.89	5.58	69/92	28/37					
33	DH71300865	Nguyễn Thị Ngọc	Nhi	D13_TC01							6.42	6.22		5.76	6.00		7.53	6.46	87/92	34/37					
34	DH71300881	Đỗ Thị Tuyết	Nhung	D13_TC01							6.17	6.00	8.00	5.65	6.37	6.50	6.63	6.46	84/92	33/37					
35	DH71300882	Huỳnh Thị	Nhung	D13_TC01							6.83	6.78		7.00	7.21	10.00	7.47	7.18	90/92	35/37					
36	DH71300911	Lưu Kiến	Phát	D13_TC01							6.75	4.96	6.00	5.41	5.74		6.63	5.92	81/92	32/37					
37	DH71300962	Nguyễn Đắc	Phú	D13_TC01							6.25	5.48	6.00	5.18	5.30	4.00	5.11	5.59	72/92	29/37					
38	DH71300996	Phạm Kim	Phụng	D13_TC01							6.92	5.78		5.94	6.32	7.00	6.58	6.34	87/92	34/37					
39	DH71300997	Tăng Ngọc	Phụng	D13_TC01							5.75	5.52	5.00	6.59	6.29		6.11	6.16	84/92	33/37					
40	DH71301114	Lâm Phát	Tài	D13_TC01							6.42	5.96		6.59	6.63		6.26	6.34	84/92	33/37					
41	DH71301145	Nguyễn Minh	Thái	D13_TC01							6.25	6.17	7.00	5.59	5.81	0.00	5.42	5.93	78/92	31/37					
42	DH71301233	Trịnh Lê Lan	Thanh	D13_TC01							6.00	5.04		5.24	4.95	1.00	5.94	5.36	78/92	31/37					
43	DH71301193	Tăng Kim	Thảo	D13_TC01							6.67	5.96		5.47	5.74	5.80	5.74	6.00	81/92	32/37					
44	DH71301139	Trần Minh	Thư	D13_TC01							6.75	6.09		5.29	6.53	8.00	6.53	6.38	87/92	34/37					
45	DH71301157	Võ Văn	Thương	D13_TC01							5.58	5.04	9.00	5.53	5.55	6.00	6.11	5.89	81/92	32/37					
46	DH71301377	Lê Phương	Trang	D13_TC01							6.67	5.91		5.59	6.11		6.11	6.03	84/92	33/37					
47	DH71301378	Lê Thị	Trang	D13_TC01							6.17	6.00	7.00	5.53	5.58	4.50	5.95	6.02	78/92	31/37					
48	DH71301384	Nguyễn Hồ Nguyên	Trang	D13_TC01							6.42	6.04	7.00	6.06	6.77	5.00	6.74	6.63	88/92	34/37					

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2015 - 2016

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_TC01

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ													ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTDT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTDT THỰC HIỆN	KẾT QUẢ XỬ LÝ CUỐI HỌC KỲ 1 (2015 - 2016)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151				HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	ĐKMH VÀ HỌC TẬP	HỌC PHÍ
49	DH71301397	Tạ Thu	Trang	D13_TC01							5.42	5.39	5.00	5.00	4.95	5.50	5.58	5.50	75/92	30/37					
50	DH71301358	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	D13_TC01							6.67	5.96		5.06	5.11	5.50	5.95	5.94	78/92	31/37					
51	DH71301452	Nguyễn Minh	Trí	D13_TC01							6.00	5.96		6.00	6.00		6.42	6.08	88/92	34/37					
52	DH71301428	Văn Thị Hải	Triều	D13_TC01							6.83	6.83		6.82	6.21		6.89	6.71	87/92	34/37					
53	DH71301422	Trần Ngọc	Trinh	D13_TC01							6.50	5.91		6.41	6.32	6.00	6.58	6.38	85/92	33/37					
54	DH71301431	Hồng Thanh	Trúc	D13_TC01							6.08	5.91	8.00	6.00	5.48	5.00	5.89	6.07	87/92	34/37					
55	DH71301432	Lê Nguyễn Thanh	Trúc	D13_TC01							6.92	5.22		5.71	6.58	7.00	5.58	6.28	84/92	33/37					
56	DH71301496	Trần Thị Thanh	Tuyền	D13_TC01							6.75	5.13		4.70	4.96	5.00	5.05	5.48	74/92	29/37					
57	DH71301498	Phạm Thị Hồng	Tuyết	D13_TC01							6.83	6.35		5.47	5.74		5.11	5.86	84/92	33/37					
58	DH71301579	Lê Khánh	Vy	D13_TC01							7.17	6.43		6.71	7.42		7.05	6.92	90/92	35/37					
59	DH71301606	Nguyễn Thị Như	ý	D13_TC01							6.25	6.26		5.35	5.89	5.50	6.68	6.20	84/92	33/37					
60	DH71301618	Nguyễn Ngọc	Yến	D13_TC01							5.83	4.96	7.00	5.18	4.53	0.00	3.11	4.70	64/92	26/37					

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 19/03/2016.**

- Đối với học phí còn nợ, sinh viên phải đóng học phí còn nợ trước Thứ Sáu, ngày 01/04/2016. Nếu quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ đình chỉ và xử lý theo quy định.

Qui ước :

Nợ HP	Nợ học phí	CB_BTH	Cảnh báo buộc thôi học
KoĐKMH	Không đăng ký môn học	BTD_KoĐKMH	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH
CCHV	Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập	BTH	Buộc thôi học
CB_KoĐKMH	Cảnh báo phải đăng ký môn học được mở trong học kỳ để hoàn tất chương trình		

Tp. HCM, ngày 28 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP BẢNG	TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO	HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thị Minh Trúc	ThS. Lê Thị Ngọc Phượng	PGS, TS. Cao Hào Thi

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2015 - 2016

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_TC02

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ													ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTDT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTDT THỰC HIỆN	KẾT QUẢ XỬ LÝ CUỐI HỌC KỲ 1 (2015 - 2016)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151				HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	ĐKMH VÀ HỌC TẬP	HỌC PHÍ
1	DH71300099	Phạm Thị Kim	Anh	D13_TC02							7.50	7.13		6.47	7.11		7.84	7.20	90/92	35/37					
2	DH71300101	Trương Hồ Lan	Anh	D13_TC02							5.75	5.26	6.00	5.53	5.52		5.33	5.68	76/92	30/37					
3	DH71300108	Võ Thị Thảo	Anh	D13_TC02							6.50	6.48		5.41	5.53	6.00	6.26	6.13	78/92	31/37					
4	DH71300003	Đặng Thị Hồng	ánh	D13_TC02							7.33	7.30		6.53	6.47		7.11	6.94	87/92	34/37					
5	DH71300174	Huỳnh Thị Yến	Chi	D13_TC02							7.42	6.83		6.76	7.37		6.95	7.03	90/92	35/37					
6	DH71300192	Thái Nguyễn Chí	Danh	D13_TC02							6.17	5.83		5.94	7.18	7.00	8.21	6.89	88/92	34/37					
7	DH71300225	Mạch Thu	Dung	D13_TC02							6.42	5.48		5.35	6.90	7.00	6.74	6.31	88/92	34/37					
8	DH71300253	Huỳnh Thị Kim	Duyên	D13_TC02							6.75	7.43		7.24	7.26		7.42	7.27	90/92	35/37					
9	DH71300024	Đỗ Hoàng Trang	Đài	D13_TC02							5.75	5.48	3.00	4.76	4.67	3.80	5.33	5.33	68/92	27/37					
10	DH71300027	Võ Thị Xuân	Đào	D13_TC02							6.50	6.22	6.00	6.18	6.57		6.58	6.50	88/92	34/37					
11	DH71300040	Phạm Hữu	Đạt	D13_TC02							7.42	6.70		6.12	6.89		6.89	6.77	90/92	35/37					
12	DH71300051	Nguyễn Ngọc	Điệp	D13_TC02							6.08	5.39	7.00	4.82	4.38		1.67	4.61	47/92	20/37	CCHV_1	Nợ HP	KoĐKMH	BTD_KoĐKMH+[CCHV_1]	Nợ HP
13	DH71300305	Nguyễn Ngọc	Hân	D13_TC02							7.67	7.35		6.18	6.84	8.00	6.42	7.00	87/92	34/37					
14	DH71300430	Nguyễn Kim	Hoàng	D13_TC02							6.75	6.17		4.59	6.00	5.50	6.11	6.03	90/92	35/37					
15	DH71300480	Nguyễn Thị Thu	Huyền	D13_TC02							7.42	6.61		5.94	6.71		7.21	6.89	90/92	35/37					
16	DH71300483	Trần Thị Lệ	Huyền	D13_TC02							6.17	6.48	3.00	5.35	5.89	7.20	6.00	6.26	78/92	31/37					
17	DH71300488	Trần Kim	Khánh	D13_TC02							4.92	4.87	0.00	1.47	1.11		0.16	2.44	24/92	9/37	CCHV_3			CCHV_3	
18	DH71300577	Nguyễn Hương	Lan	D13_TC02							6.83	5.26		0.35	3.25		4.95	4.23	48/92	19/37					
19	DH71300595	Nguyễn Thị ánh	Liên	D13_TC02							6.92	6.65		5.82	6.11	5.00	6.26	6.37	85/92	33/37					
20	DH71300623	Nguyễn Thị Trúc	Linh	D13_TC02							6.33	6.17		5.95	6.67	7.00	7.11	6.59	89/92	34/37					
21	DH71300641	Đặng Huy	Long	D13_TC02							7.17	6.57		6.35	6.68	9.00	7.21	6.88	87/92	34/37					
22	DH71300585	Nguyễn Hoàng	Lộc	D13_TC02							7.00	6.04	8.00	5.24	5.42		5.35	5.89	81/92	32/37					
23	DH71300667	Nguyễn Thị Trúc	Ly	D13_TC02							6.00	5.78	6.00	5.24	5.89	5.00	5.42	5.82	81/92	32/37					

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2015 - 2016

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_TC02

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ													ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTĐT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTĐT THỰC HIỆN	KẾT QUẢ XỬ LÝ CUỐI HỌC KỲ 1 (2015 - 2016)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151				HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	ĐKMH VÀ HỌC TẬP	HỌC PHÍ
24	DH71300676	Nguyễn Thị Thanh	Mai	D13_TC02							7.17	6.96		5.88	7.11		6.47	6.71	90/92	35/37					
25	DH71300723	Nguyễn Ngọc	Mỹ	D13_TC02							6.50	6.09		6.00	5.48	5.00	6.68	6.21	82/92	32/37					
26	DH71300763	Nguyễn Quỳnh	Nga	D13_TC02							7.42	7.74		7.24	6.89		7.74	7.42	90/92	35/37					
27	DH71300750	Nguyễn Mai Tuyết	Ngân	D13_TC02							7.75	6.48		7.18	7.63		7.42	7.22	90/92	35/37					
28	DH71300788	Lê Xuân	Nghi	D13_TC02							5.92	5.78		4.85	6.68	7.13	6.89	6.33	91/92	35/37					
29	DH71300773	Hoàng Thị Kim	Ngọc	D13_TC02							7.42	7.30		5.35	6.32	8.00	6.76	6.89	87/92	34/37					
30	DH71300855	Hà Thị Tuyết	Nhi	D13_TC02							6.67	6.74		6.76	6.58		6.79	6.71	90/92	35/37					
31	DH71300870	Phú Phụng ý	Nhi	D13_TC02							7.33	6.70		7.00	6.89		6.79	6.90	87/92	34/37					
32	DH71300904	Trần Thị Kim	Oanh	D13_TC02							6.08	6.26	6.00	5.82	6.71	6.00	7.11	6.62	90/92	35/37					
33	DH71300920	Trương Hồng	Phát	D13_TC02							6.92	7.30		7.59	7.32		7.58	7.37	90/92	35/37					
34	DH71300957	Hồ Bích	Phượng	D13_TC02							6.50	6.04		5.41	7.37	6.00	7.13	6.70	90/92	35/37					
35	DH71300999	Châu Mỹ	Quân	D13_TC02							6.00	6.09	0.00	5.76	5.92	3.60	5.84	6.10	79/92	31/37					
36	DH71301024	Nghiêm Thị Như	Quỳnh	D13_TC02							6.75	6.09		5.88	6.63		7.24	6.57	90/92	35/37					
37	DH71301025	Nguyễn Lưu Hương	Quỳnh	D13_TC02							8.25	7.48		7.53	7.32		7.58	7.58	90/92	35/37					
38	DH71301066	Nguyễn Lê Tuyết	Sương	D13_TC02							6.33	5.61		4.59	5.05	4.00	4.64	5.43	75/92	30/37					
39	DH71301108	Nguyễn Hồng	Tân	D13_TC02							6.92	7.17		5.82	7.32	7.80	7.58	7.21	90/92	35/37					
40	DH71301109	Trương Nhật	Tân	D13_TC02							6.58	5.70	7.00	5.06	5.76	4.00	6.00	6.06	81/92	32/37					
41	DH71301228	Phạm Thiên	Thanh	D13_TC02							6.42	6.30		6.24	7.33		8.05	6.99	90/92	35/37					
42	DH71301197	Trần Ngọc	Thảo	D13_TC02							5.67	5.13		4.95	5.57	4.00	5.59	5.57	74/92	29/37					
43	DH71301198	Trịnh Phương	Thảo	D13_TC02							7.58	6.04		5.94	6.25		5.73	6.41	84/92	33/37					
44	DH71301199	Võ Chi	Thảo	D13_TC02							6.83	6.96		6.00	6.42	7.00	0.00	5.28	68/92	27/37	CCHV_1	Nợ HP	KoĐKMH	BTD_KoĐKMH+[CCHV_1]	Nợ HP
45	DH71301283	Vũ Huỳnh Bảo	Thuận	D13_TC02							6.00	5.22		4.71	4.19	2.00	4.05	4.89	68/92	27/37					
46	DH71301253	Nguyễn Hồng	Thủy	D13_TC02							5.50	5.91	8.00	5.53	6.68	5.50	6.63	6.40	87/92	34/37					

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2015 - 2016

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_TC02

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ													ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTDT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTDT THỰC HIỆN	KẾT QUẢ XỬ LÝ CUỐI HỌC KỲ 1 (2015 - 2016)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151				HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	ĐKMH VÀ HỌC TẬP	HỌC PHÍ
47	DH71301262	Đinh Thị Như	Thúy	D13_TC02							6.50	6.48		5.59	6.21	6.00	5.79	6.18	87/92	34/37					
48	DH71301155	Nguyễn Thị Hoài	Thương	D13_TC02							7.50	7.22		6.53	7.63		7.26	7.22	90/92	35/37					
49	DH71301292	Trần Lê Cẩm	Tiên	D13_TC02							5.92	5.30		4.88	4.42	5.00	4.84	5.22	66/92	26/37					
50	DH71301372	Hoàng Thị	Trà	D13_TC02							5.75	5.22	6.00	4.76	3.96	3.00	4.05	4.98	67/92	27/37					
51	DH71301392	Nguyễn Thị Thủy	Trang	D13_TC02							6.42	6.04		5.06	6.32	5.50	6.50	6.24	84/92	33/37					
52	DH71301457	Nguyễn Văn	Trí	D13_TC02							7.25	6.83		6.59	6.47	7.00	6.63	6.82	87/92	34/37					
53	DH71301441	Nguyễn Minh	Trực	D13_TC02							6.58	6.61	7.00	6.18	7.42		7.74	7.00	90/92	35/37					
54	DH71301530	Nguyễn Thị Mỹ	Vân	D13_TC02							8.17	7.83		7.88	7.89		8.05	7.94	90/92	35/37					
55	DH71301590	Phạm Thị	Xinh	D13_TC02							6.25	7.48		7.82	8.26		8.53	7.77	90/92	35/37					
56	DH71301591	Chế Nguyễn Thanh	Xuân	D13_TC02							7.08	6.52	5.00	5.71	5.42	7.00	4.58	5.96	70/92	28/37					
57	DH71301610	Nguyễn Thị	Yên	D13_TC02							7.17	7.09		7.41	7.47		7.26	7.28	90/92	35/37					

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 19/03/2016.**
- Đối với học phí còn nợ, sinh viên phải đóng học phí còn nợ trước Thứ Sáu, ngày 01/04/2016. Nếu quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ đình chỉ và xử lý theo quy định.

Qui ước :

Nợ HP	Nợ học phí	CB_BTH	Cảnh báo buộc thôi học
KoĐKMH	Không đăng ký môn học	BTD_KoĐKMH	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH
CCHV	Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập	BTH	Buộc thôi học
CB_KoĐKMH	Cảnh báo phải đăng ký môn học được mở trong học kỳ để hoàn tất chương trình		

Tp. HCM, ngày 28 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP BẢNG

Nguyễn Thị Minh Trúc

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

ThS. Lê Thị Ngọc Phượng

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PGS. TS. Cao Hào Thi